

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TTPVHCC

Thái Nguyên, ngày tháng 03 năm 2026

V/v chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm,
hiệu quả giải quyết TTHC cho
người dân, doanh nghiệp

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;

Đồng kính gửi: Bí thư Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian qua, các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường đã có nhiều chỉ đạo, giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) đem lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp. Theo số liệu cập nhật trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, từ ngày 01/01/2026 đến nay, thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Bộ Chỉ số 766) của tỉnh Thái Nguyên có nhiều kết quả quan trọng, trong tháng 01/2026 tỉnh xếp thứ 03/34 tỉnh, thành phố (có thời điểm xếp thứ 01/34 tỉnh, thành phố) và đến nay đạt 95,29/100 điểm và xếp thứ 10/34 tỉnh, thành phố¹. Theo đó, có 11/13 sở, ban, ngành, 100% xã, phường có điểm số thuộc nhóm xuất sắc trong Bộ Chỉ số 766 (từ 90 điểm trở lên). Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của các cơ quan, địa phương trong triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu, góp phần cải thiện điểm số trong Bộ Chỉ số 766.

Tuy nhiên, theo thống kê còn có 02/13 sở, ban, ngành điểm số trong Bộ Chỉ số 766 thuộc nhóm tốt (dưới 90 điểm); Chỉ số về số hóa và Chỉ số về tiến độ giải quyết của tỉnh chưa cao², dẫn đến tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC chưa đạt điểm tối đa, nếu không có giải pháp xử lý kịp thời, thứ hạng của tỉnh trong thời gian tới tiếp tục giảm.

Để khắc phục chỉ số thành phần có điểm số chưa cao và duy trì các chỉ số thành phần tốt, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, cải thiện thứ hạng của tỉnh Thái Nguyên thực chất, bền vững, **phấn đấu trong nhóm Top 05/34**

¹ Thời điểm và nguồn lấy số liệu: Ngày 09/3/2026 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

² Còn có 4.402 Hồ sơ TTHC quá hạn, số hóa chưa đạt yêu cầu tập trung ở các nhóm TTHC phức tạp có thời gian giải quyết dài.

tỉnh, thành phố trong các tháng tới, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường khẩn trương thực hiện một số nội dung sau:

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ về tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước cấp ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nếu đề nhiều lần xảy ra tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, không thực hiện số hóa hồ sơ trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn/cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, nhiệm vụ trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC, phấn đấu tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 100%. Cụ thể hóa và xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cá nhân theo từng bước trong quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trường hợp chậm tiếp nhận³, chậm giải quyết; không thực hiện số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử.

Giao cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC các sở, ban, ngành và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, **trước 15 giờ hằng ngày** rà soát, đôn đốc các bộ phận chuyên môn/cán bộ, công chức, viên chức được giao tiếp nhận, tham mưu khẩn trương giải quyết hồ sơ TTHC, đảm bảo trước, đúng hạn và trong ngày. Kiên quyết phê bình, kiểm điểm trách nhiệm ngay cán bộ, công chức, viên chức được giao tham mưu xử lý hồ sơ TTHC mà để quá hạn đối với các TTHC đơn giản, có thời hạn giải quyết trong ngày⁴.

Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp chủ động khai thác, tái sử dụng thông tin, dữ liệu và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1798/UBND-TTPVHCC ngày 25/02/2026; tăng cường công tác phối hợp trong giải quyết hồ sơ TTHC, đặc biệt là cơ quan Thuế khi luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; chủ động rà soát các TTHC có tần suất phát sinh nhiều để tiếp tục đưa vào cơ chế “*Luồng xanh*”, rút ngắn thời gian giải quyết.

- Thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định, đạt chỉ tiêu 100% theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/02/2026 về tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết

³ Tiếp nhận trong thời hạn 8 giờ làm việc theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

⁴ Qua rà soát nhiều hồ sơ TTHC về chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh....quá hạn nhưng trong ngày.

thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đến thời điểm ngày 09/3/2026, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, toàn tỉnh có 4.402 hồ sơ quá hạn và chủ yếu tập trung trong lĩnh vực đất đai; tỷ lệ hồ sơ số hóa chưa đạt yêu cầu còn cao (theo Phụ lục I, II gửi kèm Văn bản này). Chủ tịch UBND tỉnh phê bình các cơ quan, đơn vị, địa phương và yêu cầu làm rõ trách nhiệm; khẩn trương chỉ đạo rà soát và khắc phục, giải quyết các hồ sơ TTHC quá hạn, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh **trước ngày 20/3/2026**.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh) chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan có liên quan rà soát, kiểm tra và giải quyết ngay các hồ sơ TTHC mà tổ chức, cá nhân đang thực hiện nghĩa vụ tài chính; cơ quan có thẩm quyền đang thực hiện niêm yết công khai theo quy định của Luật Đất đai nhưng Cổng Dịch vụ công quốc gia báo quá hạn; **Yêu cầu xong trước ngày 17/3/2026**;

- Sở Y tế khẩn trương báo cáo Bộ Y tế xem xét cấu hình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ đối với TTHC về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên, đảm bảo hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết trên môi trường điện tử;

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục nâng cấp hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, đảm bảo đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; đẩy mạnh việc hướng dẫn, các cơ quan, địa phương thực hiện các yêu cầu về số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử theo quy định; hằng tuần rà soát, cung cấp danh sách các hồ sơ TTHC số hóa chưa đạt, gửi các đơn vị, địa phương.

3. Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh; Trung tâm Thông tin tỉnh: Ngày thứ Hai hằng tuần công khai đối với các sở, ban, ngành trong nhóm Top 5 có điểm số cao nhất và nhóm 5 sở, ban, ngành có điểm số thấp nhất⁵; các xã, phường trong nhóm Top 10 có điểm số cao nhất và 10 xã, phường trong nhóm có điểm số thấp nhất được cập nhật trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để động viên khích lệ, tạo động lực thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Giao Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công hằng tuần thống kê, tổng hợp và cung cấp thông tin cho Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh; Trung tâm thông tin tỉnh.

⁵ Đối với các cơ quan có phát sinh hồ sơ trong kỳ thống kê.

4. Đề nghị Thuế tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo phòng chuyên môn, Thuế cơ sở tăng cường phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực trong thực hiện quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

5. Sở Nội vụ tăng cường kiểm tra công vụ đột xuất trong giải quyết hồ sơ TTHC, trong đó tập trung kiểm tra hồ sơ TTHC trong lĩnh vực về đất đai để kịp thời chấn chỉnh tồn tại, hạn chế và hướng dẫn các cơ quan, địa phương thực hiện giải quyết TTHC theo đúng quy định, yêu cầu; kiến nghị xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có hành vi những nhiều, làm phát sinh thêm hồ sơ, giấy tờ trái quy định hoặc nhiều lần để xảy ra tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

6. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Văn bản này; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Căn cứ chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Các phòng TMTH;
- Lưu: VT, HCC.

Longtt

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục I

SỐ HỒ SƠ ĐANG GIẢI QUYẾT QUÁ HẠN CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Văn bản số /UBND-TTPVHCC ngày tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh các cơ quan, địa phương	Tổng số hồ xử lý quá hạn
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc)	H55.59	3626
2	UBND xã Đồng Hỷ	H55.220	103
3	UBND phường Phan Đình Phùng	H55.107	90
4	UBND xã Thành Công	H55.257	74
5	UBND phường Vạn Xuân	H55.115	45
6	UBND xã Chợ Mới	H55.211	42
7	UBND xã Diềm Thụy	H55.218	37
8	UBND xã Văn Hán	H55.266	25
9	UBND xã Phú Bình	H55.239	21
10	UBND xã Kha Sơn	H55.225	21
11	UBND xã Võ Nhai	H55.271	17
12	UBND phường Bá Xuyên	H55.101	17
13	Sở Y tế	H55.10	15
14	UBND phường Phúc Thuận	H55.109	14

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh các cơ quan, địa phương	Tổng số hồ xử lý quá hạn
15	UBND phường Tích Lương	H55.113	14
16	UBND phường Trung Thành	H55.114	13
17	UBND xã La Bằng	H55.227	13
18	UBND xã Thượng Minh	H55.260	13
19	UBND phường Phổ Yên	H55.108	13
20	UBND xã Tràng Xá	H55.264	10
21	UBND phường Gia Sàng	H55.105	10
22	UBND xã Cường Lợi	H55.214	9
23	UBND xã Na Rì	H55.231	9
24	UBND xã Vô Tranh	H55.272	8
25	UBND xã Tân Thành	H55.255	7
26	UBND xã Đại Phúc	H55.215	7
27	UBND xã Ba Bể	H55.202	7
28	UBND xã Phủ Thông	H55.244	6
29	UBND xã Tân Cương	H55.252	6
30	UBND phường Quan Triều	H55.110	5
31	UBND xã Định Hoá	H55.219	5

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh các cơ quan, địa phương	Tổng số hồ xử lý quá hạn
32	UBND xã Trại Cau	H55.262	5
33	UBND xã La Hiên	H55.228	5
34	UBND xã Côn Minh	H55.213	5
35	UBND xã Hợp Thành	H55.224	4
36	Sở Tài chính	H55.17	4
37	UBND xã An Khánh	H55.201	4
38	UBND phường Sông Công	H55.112	4
39	UBND phường Bắc Kạn	H55.102	4
40	UBND xã Cẩm Giàng	H55.208	4
41	UBND xã Vạn Phú	H55.269	4
42	UBND xã Đồng Phúc	H55.221	4
43	UBND phường Bách Quang	H55.103	4
44	UBND xã Yên Bình	H55.274	3
45	UBND xã Yên Trạch	H55.277	3
46	UBND xã Dân Tiến	H55.217	3
47	UBND xã Phú Lương	H55.242	3
48	UBND xã Phú Lạc	H55.241	3

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh các cơ quan, địa phương	Tổng số hồ xử lý quá hạn
49	UBND xã Trần Phú	H55.263	2
50	UBND xã Nam Cường	H55.232	2
51	Sở Khoa học và Công nghệ	H55.04	2
52	Sở Công Thương	H55.12	2
53	UBND xã Xuân Dương	H55.273	2
54	UBND xã Phúc Lộc	H55.246	2
55	UBND xã Hiệp Lực	H55.223	2
56	UBND xã Trung Hội	H55.265	2
57	UBND xã Tân Khánh	H55.253	2
58	UBND phường Quyết Thắng	H55.111	1
59	UBND xã Thần Sa	H55.256	1
60	UBND xã Thanh Thịnh	H55.259	1
61	UBND xã Quân Chu	H55.248	1
62	Sở Xây dựng	H55.07	1
63	UBND xã Tân Kỳ	H55.254	1
64	UBND xã Phong Quang	H55.238	1
65	UBND xã Chợ Đồn	H55.210	1

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh các cơ quan, địa phương	Tổng số hồ xử lý quá hạn
66	UBND xã Ngân Sơn	H55.234	1
67	UBND xã Bằng Thành	H55.204	1
68	UBND xã Nam Hòa	H55.233	1
69	Sở Nội vụ	H55.02	1
70	UBND xã Lam Vỹ	H55.229	1
71	UBND xã Nghiên Loan	H55.236	1
72	UBND xã Bình Thành	H55.206	1
73	UBND xã Kim Phụng	H55.226	1
Tổng			4.402

- *Danh sách chi tiết các hồ sơ, các cơ quan, địa phương chủ động tra cứu trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công (Trung tâm PVHCC tỉnh đã phân quyền tài khoản quản trị).*

Phụ lục II**TỶ LỆ SỐ HÓA HỒ SƠ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Văn bản số /UBND-TTPVHCC ngày tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
Cấp tỉnh							
1	Sở Công Thương	19.5	88.6	2.5	11.4	22	Không
2	Sở Tư pháp	19.34	87.9	2.66	12.1	22	Không
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	19.33	87.9	2.67	12.1	22	Không
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19.17	87.1	2.83	12.9	22	Không
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	18.87	85.8	3.13	14.2	22	Không
6	Sở Tài chính	18.84	85.6	3.16	14.4	22	Không
7	Sở Khoa học và Công nghệ	18.29	83.1	3.71	16.9	22	Không
8	Sở Xây dựng	18.23	82.9	3.77	17.1	22	Không
9	Sở Nội vụ	17.72	80.5	4.28	19.5	22	Không
10	Ban quản lý các Khu công nghiệp	15.91	72.3	6.09	27.7	22	Không
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	15.7	71.4	6.3	28.6	22	Không
12	Sở Y tế	15.66	71.2	6.34	28.8	22	Không

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
Cấp xã							
1	UBND xã Phụng Tiến	21.9	99.5	0.1	0.5	22	Không
2	UBND phường Bá Xuyên	21.85	99.3	0.15	0.7	22	Không
3	UBND xã Nam Cường	21.82	99.2	0.18	0.8	22	Không
4	UBND xã Quang Sơn	21.79	99	0.21	1	22	Không
5	UBND phường Trung Thành	21.78	99	0.22	1	22	Không
6	UBND xã Quảng Bạch	21.77	99	0.23	1	22	Không
7	UBND xã Kim Phụng	21.77	99	0.23	1	22	Không
8	UBND xã Thượng Quan	21.74	98.8	0.26	1.2	22	Không
9	UBND xã Xuân Dương	21.73	98.8	0.27	1.2	22	Không
10	UBND xã Vĩnh Thông	21.72	98.7	0.28	1.3	22	Không
11	UBND xã Văn Lang	21.69	98.6	0.31	1.4	22	Không
12	UBND xã Ba Bể	21.69	98.6	0.31	1.4	22	Không
13	UBND xã Phú Lương	21.69	98.6	0.31	1.4	22	Không
14	UBND xã Lam Vỹ	21.68	98.5	0.32	1.5	22	Không
15	UBND xã Võ Nhai	21.64	98.4	0.36	1.6	22	Không

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
16	UBND xã La Hiên	21.64	98.4	0.36	1.6	22	Không
17	UBND xã Đại Từ	21.63	98.3	0.37	1.7	22	Không
18	UBND xã Yên Phong	21.63	98.3	0.37	1.7	22	Không
19	UBND xã Yên Trạch	21.62	98.3	0.38	1.7	22	Không
20	UBND phường Quyết Thắng	21.61	98.2	0.39	1.8	22	Không
21	UBND xã Đức Lương	21.6	98.2	0.4	1.8	22	Không
22	UBND phường Quan Triều	21.59	98.1	0.41	1.9	22	Không
23	UBND phường Gia Sàng	21.59	98.1	0.41	1.9	22	Không
24	UBND xã Tân Kỳ	21.59	98.1	0.41	1.9	22	Không
25	UBND xã Thanh Mai	21.57	98	0.43	2	22	Không
26	UBND xã Văn Lãng	21.57	98	0.43	2	22	Không
27	UBND xã Chợ Rã	21.57	98	0.43	2	22	Không
28	UBND xã Bình Yên	21.56	98	0.44	2	22	Không
29	UBND xã Bình Thành	21.56	98	0.44	2	22	Không
30	UBND xã Hợp Thành	21.55	98	0.45	2	22	Không
31	UBND phường Đức Xuân	21.55	98	0.45	2	22	Không

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
32	UBND xã Ngân Sơn	21.54	97.9	0.46	2.1	22	Không
33	UBND xã Vạn Phú	21.54	97.9	0.46	2.1	22	Không
34	UBND phường Phúc Thuận	21.54	97.9	0.46	2.1	22	Không
35	UBND xã Đại Phúc	21.53	97.9	0.47	2.1	22	Không
36	UBND xã Thanh Thịnh	21.53	97.9	0.47	2.1	22	Không
37	UBND xã Phú Xuyên	21.52	97.8	0.48	2.2	22	Không
38	UBND phường Linh Sơn	21.52	97.8	0.48	2.2	22	Không
39	UBND xã Vô Tranh	21.52	97.8	0.48	2.2	22	Không
40	UBND xã Nam Hòa	21.51	97.8	0.49	2.2	22	Không
41	UBND xã Bằng Vân	21.5	97.7	0.5	2.3	22	Không
42	UBND xã Nghiên Loan	21.48	97.6	0.52	2.4	22	Không
43	UBND xã Đồng Hỷ	21.46	97.5	0.54	2.5	22	Không
44	UBND phường Tích Lương	21.45	97.5	0.55	2.5	22	Không
45	UBND xã Định Hoá	21.44	97.5	0.56	2.5	22	Không
46	UBND phường Sông Công	21.43	97.4	0.57	2.6	22	Không
47	UBND xã Dân Tiến	21.43	97.4	0.57	2.6	22	Không

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
48	UBND xã Bằng Thành	21.43	97.4	0.57	2.6	22	Không
49	UBND xã Trung Hội	21.42	97.4	0.58	2.6	22	Không
50	UBND phường Phan Đình Phùng	21.42	97.4	0.58	2.6	22	Không
51	UBND phường Phở Yên	21.41	97.3	0.59	2.7	22	Không
52	UBND phường Bách Quang	21.41	97.3	0.59	2.7	22	Không
53	UBND xã Quân Chu	21.41	97.3	0.59	2.7	22	Không
54	UBND xã Phúc Lộc	21.41	97.3	0.59	2.7	22	Không
55	UBND xã Tân Cương	21.41	97.3	0.59	2.7	22	Không
56	UBND xã Na Rì	21.41	97.3	0.59	2.7	22	Không
57	UBND xã Kha Sơn	21.39	97.2	0.61	2.8	22	Không
58	UBND xã Phú Thịnh	21.37	97.1	0.63	2.9	22	Không
59	UBND xã Trần Phú	21.37	97.1	0.63	2.9	22	Không
60	UBND xã Hiệp Lực	21.37	97.1	0.63	2.9	22	Không
61	UBND xã Cao Minh	21.36	97.1	0.64	2.9	22	Không
62	UBND xã Tân Khánh	21.36	97.1	0.64	2.9	22	Không
63	UBND phường Vạn Xuân	21.36	97.1	0.64	2.9	22	Không

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
64	UBND xã Phú Đình	21.35	97	0.65	3	22	Không
65	UBND xã Phú Bình	21.32	96.9	0.68	3.1	22	Không
66	UBND xã Yên Thịnh	21.31	96.9	0.69	3.1	22	Không
67	UBND xã Tân Thành	21.3	96.8	0.7	3.2	22	Không
68	UBND xã Yên Bình	21.3	96.8	0.7	3.2	22	Không
69	UBND xã Chợ Đồn	21.3	96.8	0.7	3.2	22	Không
70	UBND xã Trại Cau	21.29	96.8	0.71	3.2	22	Không
71	UBND xã Thượng Minh	21.29	96.8	0.71	3.2	22	Không
72	UBND xã Bạch Thông	21.26	96.6	0.74	3.4	22	Không
73	UBND xã Nghĩa Tá	21.25	96.6	0.75	3.4	22	Không
74	UBND xã Phú Thông	21.25	96.6	0.75	3.4	22	Không
75	UBND xã Phú Lạc	21.25	96.6	0.75	3.4	22	Không
76	UBND xã Đồng Phúc	21.24	96.5	0.76	3.5	22	Không
77	UBND xã Nà Phặc	21.23	96.5	0.77	3.5	22	Không
78	UBND xã An Khánh	21.17	96.2	0.83	3.8	22	Không
79	UBND xã Diềm Thụy	21.13	96	0.87	4	22	Không

STT	Tên đơn vị	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt (%)	Điểm chưa đạt	Tỷ lệ chưa đạt (%)	Điểm tối đa	Tiến độ hoàn thành (đạt 100%)
80	UBND phường Bắc Kạn	21.08	95.8	0.92	4.2	22	Không
81	UBND xã Cẩm Giàng	20.99	95.4	1.01	4.6	22	Không
82	UBND xã Nghinh Tường	20.98	95.4	1.02	4.6	22	Không
83	UBND xã Thần Sa	20.96	95.3	1.04	4.7	22	Không
84	UBND xã La Bằng	20.95	95.2	1.05	4.8	22	Không
85	UBND xã Văn Hán	20.95	95.2	1.05	4.8	22	Không
86	UBND xã Thành Công	20.93	95.1	1.07	4.9	22	Không
87	UBND xã Tràng Xá	20.91	95	1.09	5	22	Không
88	UBND xã Phong Quang	20.9	95	1.1	5	22	Không
89	UBND xã Chợ Mới	20.79	94.5	1.21	5.5	22	Không
90	UBND xã Côn Minh	20.77	94.4	1.23	5.6	22	Không
91	UBND xã Sảng Mộc	20.6	93.6	1.4	6.4	22	Không
92	UBND xã Cường Lợi	19.41	88.2	2.59	11.8	22	Không